

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2022

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nguyên.

Ông Hoàng Sĩ Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị C**, sinh năm 1988.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 12, thôn 2, xã G, huyện M, tỉnh Hải Dương.
Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Anh **Trần Đăng K**, sinh năm 1975.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 12, thôn 2, xã G, huyện M, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được chị C ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Đội 12, thôn 2, xã G, huyện M, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị C trình bày: Chị và anh Trần Đăng K được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện

Hung Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 05/11/2015. Sau khi kết hôn anh K chuyển khẩu về gia đình chị sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K có tính gia trưởng, hay ghen, anh ghen tuông vô cớ rồi nhiều lần đánh đập chị, tuy nhiên vì các con nên chị cố gắng nín nhịn. Đến năm 2018 anh, chị cùng sang lao động tại Đài Loan nhưng mỗi người ở một nơi, thỉnh thoảng vợ chồng mới gặp nhau khiến anh càng ghen tuông hơn, anh thường xuyên kiểm soát, đánh đập chị mỗi khi vợ chồng gặp nhau, không gặp được thì anh gọi điện đe dọa, chửi bới, xúc phạm. Năm 2019, sau khi bị anh đánh đập chị đã cắt đứt liên lạc và tránh mặt anh, từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Đăng K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Gia L, sinh ngày 15/9/2012 và Trần Đăng B, sinh ngày 14/01/2016, hiện các con đang ở với chị và ông bà ngoại. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con thành niên và chị tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho bà Trần Thị N là mẹ đẻ thay chị chăm sóc các con chung cho đến khi chị về nước.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị C ủy quyền cho bà Trần Thị N thay chị giao nhận tài liệu tại Tòa án đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà Phạm Thị L1 (là mẹ đẻ anh K) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh K vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh K biết. Thông qua gia đình anh K trình bày khi nào về nước anh mới giải quyết ly hôn. Anh K xác định vợ chồng có 02 con chung như chị C trình bày là đúng, hiện các con đang ở với chị C và ông bà ngoại, khi ly hôn anh nhất trí để chị C tiếp tục nuôi con, anh xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này về nước nếu có nguyện vọng thì anh sẽ yêu cầu giải quyết con chung và tài sản chung sau.

Người được chị C ủy quyền về việc nuôi dưỡng con chung và giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án là bà Trần Thị N trình bày: Bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Gia L và Trần Đăng B cho đến khi chị C về nước, bà không yêu cầu anh, chị phải cấp dưỡng tiền nuôi các cháu, đồng thời bà nhất trí nhận ủy quyền của chị C về việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho chị C biết, chị C vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Con chung của chị C và anh K là cháu Trần Thị Gia L có nguyện vọng được ở với chị C và bà N.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị C, anh K sinh sống thể hiện: Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chuyển về địa phương sinh sống. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì cùng sang Đài Loan làm ăn tuy nhiên vợ chồng không sống cùng nhau mà mỗi người ở một nơi khác nhau, thỉnh thoảng chị C có về phép còn anh K vẫn đang làm ăn tại Đài Loan, vợ chồng không quan tâm đến nhau, nay chị C có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho chị Trương Thị C ly hôn anh Trần Đăng K. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Gia L và Trần Đăng B cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Trần Thị Gia L và Trần Đăng B cho bà Trần Thị N nuôi dưỡng trong thời gian chị C vắng mặt tại Việt Nam. Chị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Thị C và bị đơn anh Trần Đăng K có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại đội 12, thôn 2, xã G, huyện M, tỉnh Hải Dương, hiện chị C và anh K đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh K ở Đài Loan. Tòa án đã đề nghị gia đình anh K cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh K và gia đình đã thông báo cho anh K biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị C và anh K, đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai chị C và bà Trần Thị N vắng mặt, có đơn và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị C và anh Trần Đăng K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình,

huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 05/11/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K ghen tuông vô cớ, đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị. Năm 2018 anh chị cùng sang Đài Loan làm ăn, nhưng anh K vẫn chứng nào tật ấy, không chịu sửa đổi, vợ chồng mỗi người sống một nơi khiến anh K càng ghen tuông hơn, có lần anh đánh chị thậm tệ nên kể từ năm 2019 chị cắt đứt liên lạc và sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K. Thông qua gia đình anh K trình bày khi nào về nước anh mới giải quyết ly hôn, bản thân anh không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại anh chị không liên lạc và không quan tâm đến nhau, vợ chồng sống ly thân từ lâu. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị C ly hôn anh K là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Trương Thị C và anh Trần Đăng K có hai con chung là Trần Thị Gia L, sinh ngày 15/9/2012 và Trần Đăng B, sinh ngày 14/01/2016, hiện các con đang ở với bà Trần Thị N. Chị C đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, đồng thời chị ủy quyền cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho đến khi chị về nước. Anh K nhất trí giao các con cho chị C nuôi dưỡng. Cháu Trần Thị Gia L cũng có nguyện vọng được ở với chị C và bà N. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung Trần Thị Gia L và Trần Đăng B cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Trần Thị Gia L và Trần Đăng B cho bà Trần Thị N nuôi dưỡng trong thời gian chị C không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Trương Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị C ly hôn anh Trần Đăng K.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trương Thị C được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Thị Gia L, sinh ngày 15/9/2012 và Trần Đăng B, sinh ngày 14/01/2016 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị C tạm thời không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị C không có mặt ở Việt Nam, tạm giao cháu Linh và cháu Bình cho bà Trần Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị C phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2021/0001096 ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do bà Trần Thị N nộp thay). Chị C đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị C và anh Trần Đăng K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hòa Bình, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường